



xuě rén

雪人

noun · snowman

Example Sentences

hái zǐ men zài duī xuě rén

孩子们在堆雪人。

The children are building a snowman.

zhè ge xuě rén dài zhe mào zi hé wéi jīn

这个雪人戴着帽子和围巾。

This snowman is wearing a hat and scarf.

Trace each character, then write the word on your own.

雪	雪	雪	雪	雪	雪	雪	雪	雪	雪	雪
雪	雪	雪								
人	人	人	人	人						